

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2017/HSST
Ngày 27 tháng 10 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Nhất

2. Bà Nguyễn Thị Biên

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thảo - Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố B

- Đại diện VKSND Thành phố B tham gia phiên toà: ông Đoàn Thế Đức - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 148/2017/HSST ngày 22 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ninh Quang V**, sinh năm 1986; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Số nhà A, tổ dân phố C, phường X, Thành phố B; nghề nghiệp: Không; văn hoá: 9/12; con ông Ninh Văn M (đã chết); con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Tại bản án số 199/2011/HSST ngày 22/9/2011, Tòa án nhân dân Thành phố B xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2011, chưa chấp hành xong phần dân sự.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại quyết định số 1478/QĐ-CT ngày 28/9/2001, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang quyết định áp dụng biện pháp đưa vào T giáo dưỡng trong thời hạn 12 tháng.

+ Tại quyết định số 179/QĐ/XPVPHC ngày 12/12/2002, Công an thị xã B (nay là Thành phố B) xử phạt hành chính 100.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 81/HSST ngày 05/5/2003, Tòa án nhân dân thị xã B (nay là Thành phố B) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 49/HSST ngày 16/01/2004, Tòa án nhân dân thị xã B (nay là Thành phố B) xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 06 tháng của bản án số 81/HSST ngày 05/5/2003, Tòa án nhân dân thị xã B buộc phải chấp hành 14 tháng tù.

+ Tại bản án số 69/HSST ngày 24/3/2004, Tòa án nhân dân thị xã B (nay là Thành phố B) xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 14 tháng của bản án số 49/HSST ngày 24/3/2004, Tòa án nhân dân thị xã B buộc phải chấp hành hình phạt chung 02 năm tù.

+ Tại bản án số 169/2006/HSST ngày 20/11/2006, Tòa án nhân dân Thành phố B xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Phan Đình H**, sinh năm 1973; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: phường L, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở hiện nay: ki ốt số A, khu chợ M, tổ dân phố số 3, phường M, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề ngH: Không; văn hoá: 7/10; con ông Phan Đình L, sinh năm 1949 (đã chết); con bà Đặng Thị C, sinh năm 1947; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: **Đặng Văn T**, sinh năm 1991; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: thôn X, xã XL, huyện G, tỉnh Bắc Giang; nghề ngH: Không; văn hoá: 9/12; con ông Đặng Văn T, sinh năm 1969; con bà Hoàng Thị X, sinh năm 1970; gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; bị cáo có 01 con, sinh năm 2013.

- Tiền án: 03.

+ Tại bản án số 168/2010/HSST ngày 29/9/2010, Tòa án nhân dân Thành phố B xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.100.000 đồng).

+ Tại bản án số 128/2011/HSST ngày 28/6/2011, Tòa án nhân dân Thành phố B xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tổng giá trị tài sản trộm cắp là 7.000.000 đồng).

+ Tại bản án số 163/2014/HSST ngày 13/8/2014, Tòa án nhân dân Thành phố B xử phạt 12 tháng 05 ngày tù về tội “Không tố giác tội phạm”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/9/2015.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an Thành phố B.

(Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Nguyễn Trung N**, sinh năm 1984; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Số nhà Z, tổ dân phố số 6, phường Q, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Không; văn hoá: 7/12; con ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1961; con bà Kiều Thị N, sinh năm 1963; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ là Đỗ Ngọc K, sinh năm 1984; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Tại bản án số 223/HSST ngày 06/12/2005, Tòa án nhân dân Thành phố B xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Tại bản án số 32/2007/HSST ngày 07/6/2007, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với bản án số 223/HSST ngày 06/12/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố B buộc chấp hành hình phạt cả hai bản án là 18 tháng.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: **Thân Văn V**, sinh năm 1983; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: thôn C, xã D, huyện G, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hoá: 9/12; con ông Thân Văn V, sinh năm 1960; con bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ là Nguyễn Thị H, năm 1987; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/7/2017 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

* **Người bị hại:** Chị Bùi Thị Kim L, sinh năm 1980 và anh Phương Tiên P, sinh năm 1975, cùng địa chỉ: Số nhà 0Z, đường L, phường Q, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh P ủy quyền cho chị L tham gia tố tụng. (Chị L có mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Dương Đình T, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà S, phố Đ phường P, thị xã L, tỉnh Hải Dương. (Có đơn xin vắng mặt)

- Anh Phan Đức A, sinh năm 1996; địa chỉ: Số nhà XZ, đường L, phường L, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Số nhà XA, tổ dân phố CN, phường X, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn X, xã XL, huyện G, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- Bà Kiều Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà XZ, khu chợ tạm, tổ dân phố số 6, phường Q, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NHẬN THẤY

Các bị cáo Ninh Quang V, Phan Đình H, Đặng Văn T, Nguyễn Trung N, Thân Văn V bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 02/3/2017, Ninh Quang V đi xe đạp một mình quanh Thành phố B để nhặt rác. Khi đi đến trước cổng nhà chị Bùi Thị Kim L ở Số nhà 0Z, đường L, phường Q, Thành phố B, V nhìn thấy cổng và cửa nhà chị L mở, phòng khách tầng 1 vẫn bật điện nhưng không có người. Lúc này, gia đình chị L đều ngủ ở tầng 2. Thấy gia đình chị L có sơ hở như vậy, V quan sát một lúc thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. V dựng xe đạp ở cổng, đi vào trong phòng khách tầng 1 trộm cắp 01 chiếc đồng hồ đeo tay nam nhãn hiệu Tissot, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia E63, 01 chùm chìa khóa có 13 chiếc chìa khóa các loại; thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 98B1- 368.66 đang dựng ở sân nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, V dắt chiếc xe ra ngoài cổng sau đó trộm cắp tiếp 01 chiếc tivi nhãn hiệu Sony 49 inch. Viết đề tivi trên xe mô tô biển kiểm soát 98B1-368.66 và điều khiển xe đi về nhà cất giấu những tài sản đã trộm cắp. Ngay sau đó, V đi bộ quay lại nhà chị L thì nhìn thấy trong phòng nhỏ tầng 1 có kê một chiếc kết sắt. V đi về nhà cất xe đạp và tháo biển kiểm soát xe mô tô vừa trộm cắp được ra thay biển kiểm soát 98H5- 8222 vào. Sau đó, V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Hoda Wave, biển kiểm soát 29Z4- 3095, sơn màu xanh của V mang theo biển kiểm soát 98B1- 368.66 đi đến nhà bạn ngoài xã hội là Phan Đình H tại ki ốt số A, khu chợ M, tổ dân phố số 3, phường M, Thành phố B. Trên đường đi, V vứt chiếc biển kiểm soát 98B1- 368.66 xuống sông Thương. Khi đến nhà H, V rủ H đi trộm cắp kết sắt, H đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29Z4-3095 chờ

V ngồi sau đi đến nhà chị L. Khi vào trong phòng khách nhìn thấy chiếc két sắt, H bảo V “két này nặng hai thằng không bê được”. H đi ra ngoài cổng đứng một lúc thì thấy bạn ngoài xã hội là Nguyễn Trung N và Đặng Văn T đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát 98Y2- 6649, sơn màu xám đen vàng đi qua. Nguyên hỏi H “ông làm gì ở đây” thì H bảo “tao sửa xe có sao không”. Lúc này, V đi từ trong nhà chị L ra thấy N, T thì rủ N, T vào trộm cắp két sắt nhà chị L, N và T đồng ý. V, N, T đi vào trong nhà khênh két sắt ra ngoài cửa đặt lên yên xe mô tô biển kiểm soát 29Z4-3095. H điều khiển xe mô tô 29Z- 3095 chở két sắt, Việt ngồi sau giữ còn N, T đi một xe mô tô cùng về nhà H. Trên đường đi, T đưa cho V chiếc áo khoác màu nâu để đây két sắt. Khi về đến nhà H thì V lấy chiếc áo bịt chiếc camera đối diện nhà H lại. Sau khi vào trong nhà H, cả bốn người thống nhất với nhau chờ đến sáng thì phá két sắt, sau đó V đi xe mô tô về nhà.

Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/3/2017, H, N, T dùng xà beng cạy phá két sắt thì thấy bên trong có số tiền 6.100.000 đồng, 01 nhẫn vàng tròn trơn; 01 nhẫn vàng gắn mặt đá màu xanh; 01 miếng vàng thần tài; 01 dây chuyền vàng; 01 đôi khuyên tai nữ vàng tây và 01 chiếc vòng đá màu xanh ngọc, gắn vàng tây xung quanh. Số tiền 6.100.000 đồng, H giữ lại 1.600.000 đồng chia cho T, N, V mỗi người 1.500.000 đồng, số tài sản còn lại cả bốn thống nhất để H cất giữ. Sau đó N, T đi về nhà Thân Văn V tại thôn C, xã D, huyện G, tỉnh Bắc Giang chơi. Trong lúc ngồi chơi tại phòng hát karaoke nhà V, T nói với V “đêm qua vừa làm được cái két bên trong có 6 triệu và khoảng 2 đến 3 cây vàng, tý nữa có hai thằng mang lên đi bán”, V bảo “ừ”.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 02/3/2017, H và V đi đến nhà V. Nguyên, T, H, V, V ngồi trong phòng hát karaoke nhà V. Tại đây, H bỏ số vàng trộm cắp ra để trên bàn để mọi người xem và bàn việc đi bán. T bảo “đi bán vàng ở Bắc Giang”, H bảo “đi bán vàng ở Bắc Giang dễ bị lộ đi bán ở Bắc Ninh”, V bảo “đi bán vàng ở Hà Nội cho đỡ lộ”. Nguyên bảo “đi bán vàng ở gần cũng được”. Tất cả thống nhất để H đi bán vàng nhưng N, T bảo V đi cùng để giám sát việc H bán vàng vì N, T không tin tưởng H. Sau đó V, N, T đi về.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 02/3/2017, H gọi taxi đến và cùng V đi đến cửa hàng vàng bạc của anh Dương Đình T sinh năm 1967 trú tại Số nhà S, phố Đ phường P, thị xã L, tỉnh Hải Dương. Tại đây, H và V vào cửa hàng và đặt vấn đề bán 01 dây chuyền vàng, 02 chiếc nhẫn và 01 miếng vàng thần tài. Anh T kiểm tra xác định là loại vàng ta 4 số 9, có tổng trọng lượng 14,98 chỉ và trả cho H số tiền là 49.800.000 đồng. Khi anh T đưa tiền cho H, V thì V cũng tham gia đếm kiểm tiền. Sau khi bán vàng xong về đến nhà kho của gia đình V thì H nói với V “khi đi bán

vàng thì chúng nó bảo 1,2 cây thôi, mà 1,2 cây vàng bán được 42.000.000 đồng giấy giờ anh em đi bán được 49.800.000 đồng vậy thì số tiền chênh lệch là 7.000.000 đồng thì chia nhau”, V đồng ý. H gọi cho T, N đến và bảo với N, T là bán số vàng trộm cắp được tổng số tiền 42.000.000 đồng trả tiền xe, tiền nước hết 2.000.000 đồng còn 40.000.000 đồng chia đều cho 4 người (H, N, V). T, N có hỏi V là “có phải bán vàng được bằng đó không” thì V bảo “phải”. H đưa cho T 20.000.000 đồng để T, N chia nhau còn 20.000.000 đồng H cầm để chia cho V. N cầm 10.000.000 đồng rồi cho V 500.000 đồng, T cầm 10.000.000 đồng rồi cho V 500.000 đồng. Sau đó, T, N đi về nhà còn H và V ở lại, H đưa cho V 3.000.000 đồng tiền ăn chênh lệch bán vàng có được, V nhận tiền xong thì H đi về và bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 02/3/2017, chị Bùi Thị Kim L trình báo Công an Thành phố B.

Cùng ngày 02/3/2017, Công an Thành phố B kiểm tra hành chính đối với Ninh Quang V phát hiện, thu giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, sơn màu vàng đen đeo biển kiểm soát 99H2- 8222, số khung 644367, số máy 0655659 để trong nhà tắm; 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sony, vỏ màu đen đã bị tháo giá để tivi và nắp sau được quần trong chiếc chăn để trên giường ngủ.

Ngày 02/3/2017, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Ninh Quang V, kết quả thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia E63, Imel: 359319020869245, vỏ màu đỏ thu tại thùng cát tông trong phòng ngủ; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Tissot, bằng kim loại màu trắng thu tại cửa sổ phòng ngủ; 01 chùm chìa khóa gồm có 13 chiếc chìa khóa các loại thu tại bồn cầu nhà tắm; số tiền 15.600.000 đồng thu tại giường phòng ngủ. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ của Ninh Quang V 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 29Z4-3095. Đối với chiếc biển kiểm soát 98B1- 368.66, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Cùng ngày 02/3/2017, Cơ quan điều tra đã bắt khẩn cấp đối với Ninh Quang V.

Ngày 02/3/2017, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Phan Đình H, kết quả thu giữ: 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Đức có số 100610I306, cánh cửa két bị bật lên; 01 chiếc áo khoác nam màu nâu thu giữ trên camera an ninh trước cửa nhà. Kiểm tra bên trong két sắt 03 sổ tiết kiệm ngân hàng mang tên Bùi Thị Kim L.

Ngày 05/3/2017, Cơ quan điều tra đã bắt khẩn cấp Nguyễn Trung N, thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đen, biển kiểm soát 98M7- 3611; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4S, vỏ màu trắng.

Ngày 06/3/2017, Đặng Văn T đến Công an Thành phố B đầu thú. Ngày 17/3/2017, Phan Đình H đến Công an huyện G đầu thú và giao nộp 01 đôi hoa tai bằng vàng tây, 01 mặt đá hình bầu dục. Cùng ngày 17/3/2017, Công an huyện G bàn giao Phan Đình H và vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố B.

Tại cơ quan điều tra, anh Dương Đình T khai sau khi mua vàng xong anh đã gia công sợi dây chuyền 10 chỉ thành 02 sợi dây chuyền mỗi dây có trọng lượng 05 chỉ vàng ta; 02 chiếc nhẫn mua đã đánh thành 02 chiếc nhẫn tròn trơn mặt trong lòng hai chiếc nhẫn có khắc chữ “T T”, mỗi nhẫn có trọng lượng 02 chỉ vàng ta để lẫn vào trong tủ bán vàng; 01 miếng vàng thần tài có trọng lượng 0,98 chỉ thì anh T giữ nguyên.

Ngày 18/3/2017, anh Dương Đình T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra những đồ vật, tài sản gồm: 01 sợi dây chuyền mắt gạo có trọng lượng 05 chỉ vàng ta; 01 sợi dây chuyền mắt na có trọng lượng 05 chỉ vàng ta; 01 chiếc nhẫn tròn trơn, trong lòng nhẫn in chữ “T T” có trọng lượng 02 chỉ vàng ta; 01 chiếc nhẫn tròn trơn, trong lòng nhẫn in chữ “T T” có trọng lượng 02 chỉ vàng ta; 01 miếng vàng thần tài có trọng lượng 0,98 chỉ vàng ta.

Ngày 03/5/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại anh T 01 sợi dây chuyền mắt gạo có trọng lượng 05 chỉ vàng ta; 01 sợi dây chuyền mắt na có trọng lượng 05 chỉ vàng ta; 01 chiếc nhẫn tròn trơn, trong lòng nhẫn có in chữ “T T” có trọng lượng 02 chỉ vàng ta; 01 chiếc nhẫn tròn, trong lòng nhẫn trơn có in chữ “T T” có trọng lượng 02 chỉ vàng ta.

Ngày 04/4/2017, anh Phan Đức A sinh năm 1996, trú tại số nhà X, đường L, phường L, Thành phố B là con trai bị can Phan Đình H đã tự nguyện giao nộp 01 vòng đeo tay, loại vòng nữ, vòng tròn làm bằng đá xanh, xung quanh bề mặt có gắn kim loại màu vàng.

Ngày 28/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố B đã khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với Thân Văn V.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 08/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố B kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn vàng đen, số máy 0655659, số khung 644367, xe đã qua sử dụng có giá trị là 25.000.000 đồng.

- 01 ti vi màn hình tinh thể lỏng nhãn hiệu Sony 49 inch, màu đen số seri No 6527907, máy đã qua sử dụng có giá trị là 10.000.000 đồng.

- 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Đức có số 100610I306, màu xanh, đã qua sử dụng giá trị là 600.000 đồng.

- 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng có dạng mắt xích nối vào nhau, loại vàng 9999 có trọng lượng 01 cây (10 chỉ) mỗi chỉ có giá 3.450.000 đồng/chỉ, 10 chỉ vàng có giá trị là 10 chỉ x 3.450.000 đồng/chỉ = 34.500.000 đồng.

- 01 miếng vàng thần tài bằng kim loại màu vàng, loại vàng 9999 (khoảng 01 chỉ) có giá trị là: 3.450.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn tròn, loại nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, loại vàng 9999, bên trong lòng nhẫn có in chữ (Bà nội) có trọng lượng 02 chỉ giá trị là: 02 chỉ x 3.450.000 đồng/chỉ = 6.900.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn tròn, loại nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, loại vàng 9999, bên trong lòng nhẫn có in chữ (Bà nội) có trọng lượng 02 chỉ giá trị là: 02 chỉ x 3.450.000 đồng/chỉ = 6.900.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn tròn, bề mặt trên của nhẫn có gắn viên đá màu xanh có trọng lượng 02 chỉ có giá trị là: 02 chỉ x 3.450.000 đồng = 6.900.000 đồng.

- 01 đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng, loại vàng tây có giá trị là: 700.000 đồng.

- 01 chiếc vòng đeo tay đá xanh, có gắn kim loại màu vàng, loại vàng tây 10k có giá trị là: 1.500.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu đen đã qua sử dụng có giá trị là: 3.000.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia E63, màu đỏ đen đã qua sử dụng có giá trị là: 300.000 đồng.

- 02 chiếc sim điện thoại đã qua sử dụng có giá trị là: 100.000 đồng.

- 01 chiếc đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu trắng, nhãn hiệu TISSOT loại đồng hồ nam, đã qua sử dụng có giá trị là: 500.000 đồng.

- 01 chùm chìa khóa có tổng cộng 13 chiếc chìa khóa bằng kim loại khác nhau, đã qua sử dụng có giá trị là: 65.000 đồng.

- 01 chiếc áo Vest màu xanh, loại Vest nam, đã qua sử dụng có giá trị là: 200.000 đồng.

Ngày 03/5/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại chị Bùi Thị Kim L các đồ vật, tài sản gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn vàng đen, số máy 0655659, số khung 644367368.66; 01 ti vi màn hình tinh thể lỏng nhãn hiệu Sony 49 inch, màu đen số seri No 6527907; 01 miếng vàng thần tài bằng kim loại màu vàng; 01 đôi khuyên tai, bằng kim loại màu vàng; 01 chiếc vòng đeo tay đá xanh, có gắn kim loại màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia E63, màu đỏ đen; 01 chiếc đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu trắng, nhãn hiệu Tissot, loại đồng hồ

nam; 01 chùm chìa khóa có tổng cộng 13 chiếc chìa khóa bằng kim loại khác nhau; 03 quyển sổ tiết kiệm ngân hàng mang tên Bùi Thị Kim L.

Đối với số tiền 15.600.000 đồng thu giữ tại nhà Ninh Quang V, quá trình điều tra xác định là tiền của bà Nguyễn Thị H sinh năm 1964 là mẹ đẻ bị can Việt. Ngày 24/8/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho bà Hạnh.

Ngày 17/5/2017, bà Hoàng Thị X sinh năm 1970 là mẹ đẻ bị can Đặng Văn T đã khắc phục hậu quả bồi thường cho chị L số tiền 11.000.000 đồng. Ngày 01/9/2017, bà Kiều Thị N, sinh năm 1963 là mẹ đẻ bị can Nguyễn Trung N đã khắc phục hậu quả, bồi thường cho chị L số tiền 11.000.000 đồng. Chị L đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Đặng Văn T và Nguyễn Trung N.

Đối với 01 chiếc xe mô nhai nhiều Yamaha Sirius, sơn màu đen, biển kiểm soát 98M7- 3611 thu giữ khi bắt khẩn cấp Nguyễn Trung N, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đang giải quyết. Ngày 03/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố B đã tách vật chứng và các tài liệu L quan ra chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra theo thẩm quyền.

Đối với chiếc biển kiểm soát 99H5-8222 thu giữ tại nhà Việt, quá trình điều tra xác định đây là các tài sản chưa rõ nguồn gốc nghi L quan đến vụ việc khác nên Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh.

Quá trình điều tra, chị Bùi Thị Kim L còn khai bị trộm cắp 01 chiếc điện thoại iphone 5S, 01 sim điện thoại, 01 nhẫn vàng tròn tròn 2 chỉ, 01 chiếc áo vest. Quá trình điều tra các bị can không thừa nhận trộm cắp những tài sản nêu trên. Cơ quan điều tra đã cho các bị can Việt, H, Nguyễn, T đối chất với người bị hại, kết quả đối chất các bên đều giữ nguyên lời khai nên không có căn cứ chứng minh làm rõ.

Cáo trạng số 151/KSĐT ngày 22/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B truy tố bị cáo Ninh Quang V, Nguyễn Trung N, Phan Đình H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e, c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Thân Văn V về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo Ninh Quang V, Phan Đình H, Đặng Văn T, Nguyễn Trung N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và thừa nhận số tiền thu lợi bất chính cụ thể như sau: Bị cáo V thu lợi 1.500.000 đồng, bị cáo H thu lợi 24.800.000 đồng, bị cáo T thu lợi 11.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn thu lợi 11.000.000 đồng.

Bị cáo Thân Văn V khai: Tại quá trình điều tra vụ án, do không hiểu biết pháp luật và sợ bị tội nặng nên bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội. Nay bị cáo đã hiểu ra, xin khai báo thành khẩn để được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật. Diễn biến hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu, tổng số tiền bị cáo được chia là 4.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị Bùi Thị Kim L, người bị hại, đại diện theo ủy quyền của người bị hại trình bày: Đối với các tài sản gồm 1 điện thoại Iphone 5S và 1 sim, 01 nhẫn tròn trơn bằng vàng 9999 có trọng lượng 2 chỉ, 01 áo vest nam màu xanh do các bị cáo đều không thừa nhận trộm cắp nên chị không có yêu cầu gì đối với các tài sản này. Đối với các tài sản không thu hồi được gồm 01 dây chuyền 10 chỉ vàng 9999; 02 chiếc nhẫn loại vàng 9999, có trọng lượng 02 chỉ/1 chiếc và chiếc kết sắt bị phá hỏng, chị yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường. Gia đình bị cáo T và Nguyễn đã bồi thường cho vợ chồng chị tổng số 22.000.000 đồng. Chị không yêu cầu bị cáo T, Nguyễn phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Đối với các bị cáo khác, chị yêu cầu xử theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, ông Dương Đình T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai như sau: Ngày 02/3/2017, anh có mua của 2 người đàn ông không quen biết 01 dây chuyền 10 chỉ vàng; 02 nhẫn tròn, mỗi nhẫn có trọng lượng 2 chỉ; 01 miếng vàng thần tài. Anh không biết nguồn gốc số vàng trên là tài sản do trộm cắp mà có, chỉ mua vàng theo đúng giá mua, bán niêm yết tại cửa hàng. Anh đã bán dây chuyền và 2 nhẫn tròn cho khách. Còn miếng vàng thần tài anh để nguyên. Đối với miếng vàng thần tài đã giao nộp cho Cơ quan công an, anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, anh Phan Đức A trình bày: anh có giao nộp cơ quan Công an 01 vòng tròn màu xanh ngọc có gắn vàng tây. Chiếc vòng do bố anh (bị cáo H) nhờ người mang về đưa cho anh để giao nộp cơ quan Công an. Anh không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, bà Nguyễn Thị H trình bày: Đến khi Công an đến khám xét nhà, bà mới biết con trai (Ninh Quang V) T hiện hành vi trộm cắp tài sản. Số tiền 15.600.000 đồng thu tại nhà là tiền riêng của bà, không L quan đến hành vi phạm tội của V. Nay bà đã được trả lại toàn bộ số tiền trên, bà không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, bà Hoàng Thị X trình bày: Con trai bà là bị cáo T sau khi T hiện hành vi trộm cắp rất ăn năn hối hận, có nhờ bà bồi thường

cho người bị hại. Số tiền 11.000.000 đồng là bà cho bị cáo để bồi thường cho bị hại. Bà không có yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Kiều Thị N trình bày: Con trai bà là bị cáo Nguyễn sau khi T hiện hành vi trộm cắp rất ăn năn hối hận, có nhờ bà bồi thường cho người bị hại. Số tiền 11.000.000 đồng là bà cho bị cáo để bồi thường cho bị hại. Bà không có yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Ninh Quang V, Phan Đình H, Đặng Văn T, Nguyễn Trung N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Thân Văn V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về áp dụng điều luật và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ninh Quang V từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2017; tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Đình H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2017; tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2017; tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2017; tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thân Văn V từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2017; tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 41, Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

- **Về xử lý vật chứng:**

+ Tịch thu tiêu hủy 01 két sắt nhãn hiệu Việt Đức có số 100610I306, cánh cửa két bị hư hỏng; 01 áo khoác nam màu nâu; 01 hộp nhựa màu đỏ để đựng đồ trang sức không còn giá trị.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh bạc đen, BKS 29Z4-3095 là xe của bị cáo V dùng làm phương tiện phạm tội.

+ Trả lại bị cáo Nguyên 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4S, vỏ màu trắng không L quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- **Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Cần buộc bị cáo Thân Văn V nộp lại số tiền thu lợi bất chính để trả lại cho bị hại và buộc các bị cáo Ninh Quang V, Phan Đình H, Đặng Văn T, Nguyễn Trung N có trách nhiệm L đới bồi thường cho người bị hại giá trị các tài sản không thu hồi được. Cụ thể: Buộc bị cáo Việt phải bồi thường cho chị L số tiền 1.775.000đồng; buộc bị cáo H phải bồi thường cho chị L số tiền 26.675.000đồng; buộc bị cáo Nguyên phải bồi thường cho chị L số tiền 11.275.000đồng; buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị L số tiền 11.275.000đồng; buộc bị cáo Vũ phải nộp lại số tiền 4.000.000 đồng được hưởng lợi từ việc đi bán vàng do Nguyên, T, H đưa cho để trả lại cho người bị hại.

Gia đình các bị cáo T, Nguyên đã bồi thường cho vợ chồng chị L tổng số tiền 22.000.000đồng. Nay chị L không yêu cầu các bị cáo T, Nguyên bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự của bị cáo Nguyên, bị cáo T.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc các bị cáo Việt, H, Nguyên, T, Vũ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Việt, H Vũ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bị hại, đại diện theo ủy quyền của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan.

XÉT THẤY

Lời khai của các bị cáo trước phiên toà hôm nay phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 02/3/2017, tại Số nhà 0Z, đường L, phường Q, Thành phố B, Ninh Quang V đã có hành vi một mình trộm cắp tài sản gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn vàng đen biển kiểm soát 98B1- 368.66; 01 ti

vi màn hình tinh thể lỏng nhãn hiệu Sony 49 inch, màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia E63, màu đỏ đen; 01 chiếc sim điện thoại; 01 chiếc đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu trắng, nhãn hiệu TISSOT loại đồng hồ nam; 01 chùm chìa khóa có tổng cộng 13 chiếc chìa khóa bằng kim loại khác nhau của chị Bùi Thị Kim L và anh Phương Tiên P trú tại Số nhà 0Z, đường L, phường Q, Thành phố B. Ngay sau đó, Ninh Quang V cùng với Phan Đình H, Nguyễn Trung N và Đặng Văn T cùng trộm cắp tài sản của chị L bao gồm: 01 két sắt nhãn hiệu Việt Đức có số 100610I306, màu xanh; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng có dạng mắt xích nối vào nhau, loại vàng 9999 có trọng lượng 01 cây vàng ta; 01 miếng vàng thần tài loại vàng 9999; 01 chiếc nhẫn tròn, loại nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, loại vàng 9999 có trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn tròn, bề mặt trên của nhẫn có gắn viên đá màu xanh có trọng lượng 02 chỉ; 01 đôi khuyên tai, loại vàng tây; 01 chiếc vòng đeo tay đá xanh, có gắn kim loại màu vàng, loại vàng tây 10k và số tiền 6.100.000đồng. Tổng giá trị tài sản Ninh Quang V trộm cắp là 96.565.000đồng, tổng giá trị tài sản Phan Đình H, Nguyễn Trung N, Đặng Văn T trộm cắp là 60.650.000đồng. Thân Văn V biết rõ số vàng gồm 01 sợi dây chuyền, 02 chiếc nhẫn và 01 miếng vàng thần tài có tổng giá trị 51.750.000đồng là tài sản do Ninh Quang V, Phan Đình H, Nguyễn Trung N và Đặng Văn T trộm cắp mà có nhưng vẫn có hành vi cùng với Phan Đình H đem đi tiêu thụ để thu lợi bất chính.

Hành vi của các bị cáo Ninh Quang V, Phan Đình H, Nguyễn Trung N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đặng Văn T có 3 tiền án về “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên hành vi lần này của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Thân Văn V đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 250 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Ninh Quang V, Phan Đình H, Đặng Văn T, Nguyễn Trung N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo Thân Văn V xâm phạm trật tự an ninh xã hội, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội. Do vậy cần phải xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự, cách ly

các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

Đối với hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn vàng đen, số máy 0655659, số khung 644367; 01 tivi màn hình tinh thể lỏng nhãn hiệu Sony 49 inch; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia E63, màu đỏ đen + 01 sim điện thoại; 01 chiếc đồng hồ đeo tay nam nhãn hiệu TISSOT; 01 chùm chìa khóa có tổng cộng 13 chiếc chìa khóa bằng kim loại bị cáo V T hiện hành vi độc lập.

Đối với hành vi trộm cắp 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Đức; 01 dây chuyền 10 chỉ vàng 9999; 01 miếng vàng thần tài 9999 trọng lượng khoảng 01 chỉ; 01 chiếc nhẫn tròn, loại vàng 9999, bên trong lòng nhẫn có in chữ (Bà nội) có trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn tròn, bề mặt có gắn viên đá màu xanh có trọng lượng 02 chỉ vàng 9999; 01 đôi khuyên tai bằng vàng tây; 01 chiếc vòng đeo tay đá xanh, có gắn vàng tây; 6.100.000 đồng tiền mặt thì các bị cáo Việt, H, T, Nguyễn cùng rủ nhau T hiện hành vi phạm tội, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể nên là đồng phạm có tính chất giản đơn. Trong đó, bị cáo Việt có vai trò chính, là người khởi xướng hành vi phạm tội. Vai trò thứ hai là bị cáo H, tích cực T hiện hành vi phạm tội, sử dụng nơi ở làm nơi cất giấu tài sản trộm cắp, trực tiếp đi tiêu thụ tài sản trộm cắp và là người phân chia phần được hưởng cho các bị cáo khác. Bị cáo Nguyễn và T có vai trò thứ yếu trong vụ án đồng phạm trộm cắp tài sản. Bị cáo Thân Văn V độc lập T hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo thì thấy:

- Bị cáo Ninh Quang V có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị xử lý hành chính, xét xử. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải theo qui định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Phan Đình H có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, ra đầu thú tại cơ quan Công an theo qui định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo Đặng Văn T có nhân thân xấu, có 3 tiền án. Tình tiết giảm nhẹ là tác động gia đình bồi thường cho người bị hại; khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, ra đầu thú, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt theo qui định tại điểm b, p

khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Trung N không có tiền án, tiền sự nhưng nhân thân xấu. Tình tiết giảm nhẹ là tác động gia đình bồi thường cho người bị hại; khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt theo qui định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo Thân Văn V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tình tiết giảm nhẹ là tại phiên tòa khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải theo qui định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với anh Dương Đình T là người đã mua vàng do H, Vũ đem bán nhưng anh T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên anh T không vi phạm pháp luật. Anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị miếng vàng thân tài đã giao nộp cho cơ quan Công an để trả lại người bị hại nên không xem xét giải quyết.

Đối với các tài sản là 01 chiếc điện thoại iphone 5S, 01 sim điện thoại, 01 nhẫn vàng tròn trơn 2 chỉ, 01 chiếc áo vest, các bị cáo đều không thừa nhận hành vi trộm cắp, người bị hại cũng không có yêu cầu gì nên không đủ cơ sở xem xét, xử lý đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 01 két sắt nhãn hiệu Việt Đức có số 100610I306, cánh cửa két bị hư hỏng; 01 áo khoác nam màu nâu; 01 hộp nhựa màu đỏ dùng đựng đồ trang sức không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh bạc đen, BKS 29Z4-3095 là xe của bị cáo Việt dùng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4S, vỏ màu trắng không L quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo Nguyễn nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đối với các tài sản bị hư hỏng và không thu hồi được, cần buộc các bị cáo Việt, H, T, Nguyễn L bồi thường cho người bị hại và truy thu số tiền bị cáo Vũ thu lợi bất chính để trả lại cho người bị hại theo qui định tại Điều Điều 584, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào giá trị tài sản bị hư hỏng (két sắt trị giá 600.000đồng) và những tài sản không thu hồi được (14 chỉ vàng 9999 trị giá 48.300.000đồng, số tiền 6.100.000đồng), căn cứ vào số tiền các thu lợi bất chính các bị cáo được hưởng, cần:

- Buộc bị cáo Việt phải bồi thường cho người bị hại số tiền 1.775.000đồng;

- Buộc bị cáo H phải bồi thường cho người bị hại số tiền 26.675.000đồng;
- Buộc bị cáo Nguyễn phải bồi thường cho người bị hại số tiền 11.275.000đồng;

- Buộc bị cáo T phải bồi thường cho người bị hại số tiền 11.275.000đồng;
- Truy thu bị cáo Vũ số tiền 4.000.000đồng để trả lại cho người bị hại.

Gia đình các bị cáo T, Nguyễn đã bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 22.000.000đồng trong quá trình điều tra vụ án. Nay người bị hại không yêu cầu các bị cáo T, Nguyễn bồi thường gì thêm. Do vậy, bị cáo Nguyễn, T không còn trách nhiệm dân sự phải thi hành và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Việt, H, Nguyễn, T, Vũ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; buộc bị cáo V, H, Vũ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Cần tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1, Tuyên bố các bị cáo Ninh Quang V, Phan Đình H, Đặng Văn T, Nguyễn Trung N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Thân Văn V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về mức hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ninh Quang V 03 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2017.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Đình H 02 năm 08 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2017.

- Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Văn T 02 năm 08 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2017.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N 02 năm 02 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2017.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thân Văn V 02 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Đức có số 100610I306, cánh cửa kết bị hư hỏng; 01 áo khoác nam màu nâu; 01 hộp nhựa màu đỏ dùng để đồ trang sức không còn giá trị.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh bạc đen, BKS 29Z4-3095, số máy 5750901, số khung 651621.

- Trả lại bị cáo Nguyễn 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4S, vỏ màu trắng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo V phải bồi thường cho chị Bùi Thị Kim L và anh Phương Tiên P số tiền 1.775.000đồng;

- Buộc bị cáo H phải bồi thường cho chị Bùi Thị Kim L và anh Phương Tiên P số tiền 26.675.000đồng;

- Truy thu bị cáo Vũ số tiền 4.000.000đồng để trả lại cho chị Bùi Thị Kim L và anh Phương Tiên P.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các T hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Việt phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo H phải chịu 1.333.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Vũ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231; Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo, người bị hại, đại diện theo ủy quyền của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Giang